

Bài 1: Hoàn thành bảng sau, thêm đuôi s/es vào sau các động từ sao cho đúng

V	V-e/es	V	Ve/es
Have (có)		Know (biết)	
Do (làm)		Take (lấy)	
Say (nói)		Think (nghĩ)	
Get (được)		Come (đến)	
Make (làm)		Give (cho)	
Go (đi)		Look (nhìn)	
See (nhìn thấy)		Use (dùng)	
Find (tìm thấy)		Need (cần)	
Want (muốn)		Seem (hình như)	
Tell (nói)		Ask (hỏi)	
Put (đặt)		Show (hiển thị)	

Mean (nghĩa là)		Try (cố gắng)	
Become (trở thành)		Call (gọi)	
Leave (rời khỏi)		Keep (giữ)	
Work (làm việc)		Feel (cảm thấy)	

Bài 4: Điền do, don't, does, doesn't vào chỗ trống trong các câu sau cho phù hợp

1. My mother likes chocolate, but she _____ biscuits.
2. _____ the children wear your uniform at your school?
3. Lynn's father watches badminton on TV, but he _____ watch judo.
4. Where _____ the Masons buy their fruits?
5. _____ the cat like to sleep on the sofa?
6. Dogs love bones, but they _____ love cheese.
7. Where _____ Sam and Ben hide their pocket money?
8. We eat pizza, but we _____ eat hamburgers.
9. _____ Mrs. Miller read magazines?
10. _____ the boys play cricket outside?
11. Please _____ play with my food.
12. She _____ the cleaning three times a week
13. We _____ go out very much because we have a baby
14. I _____ want to talk about my neighborhood any more.
15. How much _____ it cost to phone overseas?